TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN HẢI** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 6 - 2023.
V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hường

2. Ông Huỳnh Quốc Việt

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lâm Hồng Ch, sinh năm 1978 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hòn Tr, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Hà Vũ L, sinh năm 1978 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hòn Tr, huyện Kiên Hải, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/02/2023 nguyên đơn bà Lâm Hồng Ch trình bày: Trên cơ sở quen biết qua mai mối, bà Ch và ông L tìm hiểu, yêu thương nhau và quyết định chung sống vợ chồng, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòn Tr ngày 10/01/2006. Thời

gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, tính tình không còn phù hợp, bà Ch và ông L đã sống ly thân từ nhiều năm. Nay bà Ch xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Ch và ông L có 02 con chung tên: Hà Lâm V, sinh ngày 24/7/2006, giới tính nam và cháu Hà Kiều A, sinh ngày 29/4/2010, giới tính nữ. Hiện cháu Vũ và cháu Kiều A đều do bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng, bà Ch có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông L cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Hà Vũ L nhưng ông L đều vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Hồng Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Lâm Hồng Ch khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với ông Hà Vũ L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Hà Vũ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Hồng Ch xin được ly hôn với ông Hà Vũ L là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa bà Ch và ông L đã có nhiều mâu thuẫn trong nhiều năm và đã ly thân từ nhiều năm nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lâm Hồng Ch được ly hôn với ông Hà Vũ L.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Ch và ông L có 02 con chung tên: Hà Lâm V, sinh ngày 24/7/2006 và Hà Kiều A, sinh ngày 29/4/2010. Bà Ch có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ và cháu Hà Anh đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này là có cơ sở bởi lẽ hiện nay bà Ch đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ, cháu Hà Anh đồng thời cháu Hà Anh là giới tính nữ nên giao cho bà Ch nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Hà Anh. Bà Ch không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Lâm Hồng Ch phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lâm Hồng Ch được ly hôn với ông Hà Vũ L.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Lâm V, sinh ngày 24/7/2006 và Hà Kiều A, sinh ngày 29/4/2010, cho bà Ch tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông L không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Lâm Hồng Ch phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007093 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Ch đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã Hòn Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh